TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 22/8/2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Long

2. Ông Võ Văn Trường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1979; Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện C, tỉnh H. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện C, tỉnh H. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng c

Địa chỉ: tòa nhà C, Bán đảo L, H L, H M, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng c – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh H

Địa chỉ phòng giao dịch: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H

Người đại diện: Ông Nguyễn Hoàng N – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn B (cha chị P), sinh năm: 1954; Địa chỉ: ấp K, xã P,

huyện C, tỉnh H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 7/11/2018 các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T làm lễ cưới và chung sống với nhau năm 2005, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin yêu nhau và thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, chị P và anh T chính thức ly thân từ tháng 8/2018 đến nay.

Về con chung: có hai con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 19/01/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 16/7/2009, hiện tại chị P đang nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng n – chi nhánh huyện C, tỉnh H 40.000.000 đồng và nợ Ngân hàng c – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh H 25.000.000 đồng.

Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh T; Về con chung: chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 19/01/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 16/7/2009 đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng c – Phòng giao dịch huyện C có văn bản ngày 01/7/2019 trình bày:

Ông Nguyễn Văn T có đại diện gia đình đứng tên vay tiền tại Ngân hàng c huyện C, số tiền còn nợ Ngân hàng là 25.000.000 đồng, trong đó vay chương trình cho hộ mới thoát nghèo 21.000.000 đồng và vay chương trình nước sạch nông thôn 4.000.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông T và bà P ly hôn với nhau. Ngân hàng đã tự thỏa thuận với hộ vay, nên không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này và đề nghị Tòa án chấp nhận cho Ngân hàng được vắng mắt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn B trình bày:

Vào năm 2010 ông B có vay của Ngân hàng n số tiền 45.000.000 đồng và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B để đảm bảo khoản vay. Mục đích để hỗ trợ cho chị P và anh T có vốn làm ăn. Số nợ này ông B đã trả cho Ngân hàng được 20.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng. Ông B sẽ tự trả nợ, không yêu cầu chị P và anh T trả và ông B không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Ngân hàng c có yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với việc chị P khai nợ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C 45.000.000 đồng, thì vào ngày 01/7/2019 Ngân hàng có văn bản trình bày: ngày 30/5/2016 ông Nguyễn Văn B có ký hợp đồng tín dụng vay 40.000.000 đồng có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B đứng tên, trong quá trình vay ông B đã trả được 20.000.000 đồng vốn, hiện còn nợ 20.000.000 đồng vốn và lãi phát sinh. Hiện ông B vẫn thực hiện đúng theo cam kết trả nợ. Nên Ngân hàng không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Qua đó xác định đây là khoản nợ riêng của ông B, không phải nợ chung của chị P và anh T, nên Tòa án không xác định Ngân hàng n với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Còn ông B cho rằng vay Ngân hàng đưa tiền cho chị P, anh T làm ăn thì ông B sẽ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thật sự tin yêu nhau nên thường xuyên xảy ra cự cải, từ đó làm mất hạnh phúc gia đình, dẫn đến việc vợ chồng chính thức ly thân nhau từ tháng 8/2018 đến nay và vợ chồng không còn quan tâm nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P vẫn kiên quyết ly hôn, anh T được địa phương xác nhận là có mặt ở địa phương nhưng quá trình giải quyết vụ án anh T vẫn vắng mặt, dù anh đã biết việc chị P khởi kiện xin ly hôn với anh. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp.

[3] Về con chung: 02 cháu gồm Nguyễn Trung T, sinh ngày 19/01/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 16/7/2009 đều có nguyện vọng muốn sống với chị P vì chị P nuôi con chu đáo. Bản thân chị P cũng yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận để chị P được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến lúc trưởng thành (tròn 18 tuổi), anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh T, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, nên không đề cập giải quyết

Về nợ chung: Các đương sự không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 19/01/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 16/7/2009 đến lúc các con trưởng thành (tròn 18 tuổi), anh Nguyễn Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh T, không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, nên không đề cập giải quyết

Về nợ chung: Các đương sự không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích P phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thể hiện tại biên lai số 0017946 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng